

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 15-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đê.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2023/TLST-DS ngày 30/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-DS ngày 30/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 15/02/2024, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị Phạm Thị T là người cùng xóm có mở hui và làm chủ

hội, chị **C** tham gia thành viên. Dây hội mở ngày 06/10/2021 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 27 phần hội, chị **C** tham gia 01 phần. Dây hội này đóng được 18 lần. Chị **T** nợ chị **C** dây hội này số tiền 36.000.000 đồng. Dây hội mở ngày 15/02/2023, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, không biết bao nhiêu phần, chị **C** tham gia 02 phần. Dây hội này đóng được 02 lần 8.400.000 đồng thì ngưng hội. Cũng cùng ngày 15/02/2023 âm lịch, chị **T** mượn của chị **C** 20.000.000 đồng. Tổng cộng chị **T** nợ 64.400.000 đồng. Nay chị **C** yêu cầu chị **T** trả số tiền 64.400.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 64.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **C** và chị **T** có hợp đồng góp hội và vay tài sản (Chị **T** là chủ hội; chị **C** là thành viên, chị **T** có vay tiền chị **C**), nay có tranh chấp chị **C** yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản*”.

Khi xảy ra tranh chấp, chị **C** có yêu cầu hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Khi Hòa giải viên tiến hành hòa giải có mặt hai bên và thống nhất được số nợ nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán nên chị **C** yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự không ai thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Chị **T** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị **C** khởi kiện có cung cấp giấy hội do chị **T** làm chủ hội, trong đó có

ghi tên các thành viên tham gia. Bị đơn là chị **T** vắng mặt và không có ý kiến gì phản bác yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là chị **C** cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **C**, buộc chị **T** trả số tiền 64.400.000 đồng. Đồng thời kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị **C**, nếu chị **T** chậm thi hành án thì phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị **T** phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 64.400.000 đồng x 5% = 3.220.000 đồng.

Chị **C** không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về “*họ, họ, hui, biểu, phườn*”; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Nguyễn Thị C** đối với chị **Phạm Thị T**. Buộc chị **Phạm Thị T** trả cho chị **Nguyễn Thị C** số tiền 64.400.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc chị **Phạm Thị T** chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.220.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.610.000 đồng (Một triệu sáu trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003396 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận